TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 19-02-2025
V/v: "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Phạm Công Luận

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2024/TLST–DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Thanh N**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: số 109, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Quang Khôi, sinh năm 1996.

Bà Nguyễn Thị Diễm Quỳnh, sinh năm 2002.

Ông Ngô Nhật Tân, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ liên hệ: số 118E3, đường số 3, khu dân cư Sao Mai, khu số Mỹ Tân, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà **Ngô Thị K**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 16, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 16, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tân có mặt; ông Khôi, bà Quỳnh, bà K, ông T vắng mặt. Ông Khôi, bà Quỳnh có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Lê Thanh N và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông Lê Thanh N tham gia 03 (ba) dây hụi do bà Ngô Thị K cùng chồng là ông Đỗ Văn T làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

1. Dây hụi thứ nhất (hụi tháng): mở ngày 10/03/2023 âm lịch (tức 29/04/2023 dương lịch), hụi 1.000.000 đồng, tổng cộng 17 phần hụi, ông N tham gia 01 phần, ông N đã đóng được 16 tháng hụi sống, cụ thể:

- Ngày 04/5/2023, đóng 800.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 04/5/2023);
- Ngày 31/05/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 31/5/2023, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.500.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 10/3/2023 và 750.000 đồng của dây hụi khác (không tranh chấp trong vụ án này));
- Ngày 02/7/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 02/7/2023, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.600.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 10/3/2023 và 850.000 đồng của dây hụi khác (không tranh chấp trong vụ án này));
- Ngày 20/8/2023, đóng 750.000 đồng (đóng tiền mặt, căn cứ vào tin nhắn zalo ngày 20/8/2023);
- Ngày 01/9/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 01/9/2023);
- Ngày 29/9/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 29/9/2023);
- Ngày 29/10/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 29/10/2023);
- Ngày 27/11/2023, đóng 740.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 27/11/2023);
- Ngày 27/12/2023, đóng 740.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 27/12/2023);
- Ngày 25/01/2024, đóng 720.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 25/01/2024);
- Ngày 24/02/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 24/02/2024);
- Ngày 24/03/2024, đóng 750.000 đồng (đóng tiền mặt, căn cứ vào tin nhắn zalo ngày 24/3/2024);
- Ngày 24/04/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 24/04/2024);
- Ngày 22/05/2024, đóng 800.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 22/05/2024);
- Ngày 21/06/2024, đóng 800.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 21/06/2024);
- Ngày 21/07/2024, đóng 850.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 21/07/2024), đây là một phần hụi phát sinh thêm từ 16 phần thành 17 phần nên ông N đóng thêm 01 phần theo yêu cầu của bà K).

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc mà ông N đã đóng cho bà K là 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm nghìn) đồng. Do ông N là người được hốt hụi chót nên tổng số tiền ông N phải được nhận từ việc hốt hụi chót là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

2. Dây hụi thứ hai (hụi tháng): mở ngày 01/05/2023 âm lịch (tức 18/06/2023 dương lịch), hụi 1.000.000 đồng, tổng cộng 15 phần hụi, ông N tham gia 01 phần, hụi chết được 13 phần, ông N đã đóng được 13 tháng hụi sống, cụ thể:

Tháng 6, 7, 8 mỗi tháng đóng tiền mặt cho bà K 750.000 đồng/tháng, tổng 03 tháng là: 2.250.000 đồng;

- Ngày 19/9/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 19/9/2023);
- Ngày 19/10/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 19/10/2023);
- Ngày 17/11/2023, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 17/11/2023);
- Ngày 18/12/2023, đóng 740.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 18/12/2023);
- Ngày 16/01/2024, đóng 730.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 16/01/2024);

- Ngày 16/02/2024, đóng 740.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 16/02/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.480.000 đồng, trong đó có 740.000 của hụi mở ngày 01/05/2023 và 740.000 đồng của dây hụi ngày 01/12/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này));

- Ngày 14/03/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 14/03/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.500.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 01/05/2023 và 750.000 đồng của dây hụi ngày 01/12/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này));

- Ngày 13/04/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 13/04/2024);

- Ngày 12/05/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 12/05/2024);

- Ngày 11/06/2024, đóng 850.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 11/06/2024, tổng công tiền chuyển khoản là 1.600.000 đồng, trong đó có 850.000 01/05/2023 và 750.000 đồng của dây hụi ngày 01/12/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này)).

- Tháng 07/2024, bà K nói ông N không phải đóng mà bà K vẫn đồng ý giao đủ như hụi chót cho ông N.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc mà ông N đã đóng cho bà K là 9.810.000 (chín triệu tám trăm mười nghìn) đồng. Nếu ông N hốt hụi thì tổng số tiền ông N phải được nhận từ việc hốt hụi này là 13.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

3. Dây hụi thứ ba (hụi tháng): mở ngày 01/12/2023 âm lịch (tức 11/01/2024 dương lịch), hụi 1.000.000 đồng, tổng cộng 18 phân hụi, ông N chơi 01 phần, hụi chết được 06 phần, ông N đã đóng được 06 tháng hụi sống, cụ thể:

- Ngày 16/01/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 16/01/2024);

- Ngày 16/02/2024, đóng 740.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 16/02/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.480.000 đồng, trong đó có 740.000 của hụi mở ngày 01/12/2023 và 740.000 đồng của dây hụi ngày 01/05/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này));

- Ngày 14/03/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 14/03/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.500.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 01/12/2023 và 750.000 đồng của dây hụi ngày 01/05/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này));

- Ngày 13/04/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 13/04/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.500.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 01/12/2023 và 750.000 đồng của dây hụi ngày 01/05/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này));

- Ngày 12/05/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 12/05/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.500.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 01/12/2023 và 750.000 đồng của dây hụi ngày 01/05/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này));

- Ngày 11/06/2024, đóng 750.000 đồng (căn cứ giấy báo nợ ngày 11/06/2024, tổng cộng tiền chuyển khoản là 1.600.000 đồng, trong đó có 750.000 của hụi mở ngày 01/12/2023 và 850.000 đồng của dây hụi ngày 01/05/2023 (đang khởi kiện trong vụ án này)).

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc mà ông N đã đóng cho bà K là 4.490.000 (bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng. Nếu ông N hốt hụi thì tổng số tiền ông N phải được nhận từ việc hốt hụi này là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Tổng số tiền của 03 dây hụi nêu trên:

- Số tiền gốc đã đóng: 26.500.000 (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng;
- Số tiền đáng lẽ ông N hốt được hụi là: 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng;

Đối với các ảnh danh sách hụi ngày 10/3/2023 âm lịch, ngày 01/5/2023 âm lịch, ngày 01/12/2023 âm lịch thì đây là các văn bản ghi nhận danh sách người tham gia chơi hụi và thời gian mở hụi, được lập bằng chính chữ viết tay của bà Ngô Thị K. Trong các văn bản này, bà K ghi "Chủ hụi (út Thanh)" đây là tên ông Đỗ Văn T (chồng bà K). Trên thực tế, bà K đứng đại diện tổ chức, quản lý và trực tiếp kêu gọi các thành viên tham gia chơi hụi, ông T là người cùng tổ chức, giúp đỡ và hỗ trợ bà K trong tất cả các giai đoạn của việc tổ chức chơi hụi. Trong quá trình tham gia 03 dây hụi do bà K, ông T làm đầu thảo, ông N đã nhiều lần đóng tiền hụi cho bà Ngô Thị K bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 7290277823 (số tài khoản cũ là 72910000277823) - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đứng tên bà Ngô Thị K. Cụ thể, theo tài liệu sao kê ngân hàng và các tin nhắn Zalo do nguyên đơn cung cấp, toàn bộ các giao dịch giữa ông Lê Thanh N và bà Ngô Thị K đều thể hiện sự trùng khớp về thời gian thực hiện giao dịch, số tiền đã chuyển cũng như hình thức thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận và thực hiện. Những nội dung giao dịch ghi nhận chính xác các khoản tiền đóng hụi mà bà K đã kêu ông N đóng. Ngoài những lần chuyển khoản số tiền hụi nêu trên, ông N cũng đã nhiều lần trực tiếp mang tiền mặt đến nhà và đóng hụi cho bà K và ông T. Việc bà K, ông T không cho ông N hốt hụi, bà K và ông T không trả bất cứ khoản tiền hụi nào cho ông N đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhàn.

Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Buộc bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Lê Thanh N số tiền nợ hụi 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Về lãi chậm trả đối với tiền nợ hụi của bà K, ông T số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng thì ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản ghi nhận ý kiến bị đơn bà Ngô Thị K trình bày:

Bà là chủ hụi, ông N là hụi viên và có tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ như ông N đã trình bày. Đến khoảng tháng 6/2024 thì bà ngưng hụi. Theo đơn khởi kiện ông N yêu cầu bà trả số tiền nợ hụi là 37.000.000 đồng tuy nhiên số tiền ông N đóng cho bà không đến 37.000.000 đồng. Theo yêu cầu khởi kiện của ông N thì bà cũng đồng ý trả số tiền nợ hụi hiện còn nợ ông N nhưng bà chỉ đồng ý trả lại tổng số tiền thực tế hàng tháng ông N đã đóng cho bà và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Việc bà lập các dây hụi để có thu nhập lo cho gia đình nhưng do nhiều hụi viên không đóng hụi đầy đủ cho bà nên bà không thể xoay sở được tiền để giao cho các hụi viên khác. Ông T là chồng hợp pháp của bà và có đăng ký kết hôn nhưng bà là người trực tiếp tham gia chơi hụi với các hụi viên, không T không biết việc bà tổ chức chơi hụi nên ông T không có nghĩa vụ cùng bà trả tiền cho ông N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, ông T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia đầy đủ các phiên họp, hoà giải, không có mặt theo yêu cầu của Toà án nên chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh N về buộc bà Ngô Thị K, ông Đỗ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền nợ hụi là 33.490.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông N về việc yêu cầu bà K, ông T trả số tiền 1.510.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Ngô Thị K là bị đơn và ông Đỗ Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K, ông T.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ hụi của nguyên đơn:

Ông N yêu cầu bà K và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền nợ hụi là 35.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ khởi kiện các danh sách hụi viên, các tin nhắn zalo và các giấy báo nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Khởi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N và bà K đều thống nhất giữa hai bên có thỏa thuận và thực hiện việc tổ chức tham gia chơi hụi, theo đó thì bà K là chủ hụi còn ông N là hụi viên, hụi có lãi và chủ hụi được hưởng hoa hồng từ thành viên lãnh hụi. Xét thấy, tuy việc thỏa thuận về tổ chức chơi hụi giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có thể hiện bằng văn bản, không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nhưng việc chơi hụi giữa các đương sự có lập danh sách hụi viên và được các bên đương sự thừa nhận. Như vậy xác định việc tham gia chơi hụi giữa ông N và bà K là có thật, đây là hợp đồng góp hụi được quy định tại điều 471 của Bộ luật dân sự.

Ông N trình bày ông có tham gia 03 dây hụi do bà K làm chủ, tổng số tiền ông đã đóng cho bà K là 26.500.000 đồng. Tuy nhiên, do bà K tuyên bố bể hụi,

không thực hiện việc giao tiền hụi đối với 03 dây hụi ông N đã tham gia nên ông N yêu cầu bà K trả cho ông số tiền 35.000.000 đồng như khi giao hụi chót. Bà K cũng thừa nhận còn nợ tiền hụi của ông N và đồng ý trả, tuy nhiên bà K xin trả phần tiền vốn mà ông N đã đóng cho bà và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, đối với dây hụi thứ nhất và thứ hai ông N đã đóng hụi đầy đủ đến khi hụi mãn nên ông N yêu cầu bà K phải trả tiền hụi đầy đủ như khi hụi mãn với tổng số tiền là 29.000.000 đồng là phù hợp. Đối với dây hụi thứ ba mặc dù chỉ đóng được 06 tháng với số tiền 4.490.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bên tham gia chơi hụi loại hụi có hoa hồng (có lãi). Nguyên đơn đóng hụi khi còn hụi sống nên việc nguyên đơn đóng thấp hơn giá dây hụi là quyền của nguyên đơn được hưởng. Lẽ ra khi vỡ hụi, bà K là chủ hụi, bà K phải có biện pháp thoả thuận, thương lượng với nguyên đơn nhưng không thực hiện, đến khi nguyên đơn khởi kiện lại cho rằng không có khả năng thanh toán là không đảm bảo quyền lợi của ông N.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu liên đới:

Ông N yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà K trả số tiền hụi cho ông. Xét thấy, danh sách hụi viên mà ông N cung cấp có thể hiện nội dung "chủ hụi (út Thanh). Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông T tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T đều vắng mặt, không có văn bản, ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Bà K và ông T và vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Qui, huyện Thạnh Phú ngày 28/3/2023. Thời điểm xác lập hợp đồng góp hụi với ông N thì bà K và ông T cùng chung sống, bà K cũng thừa nhận việc bà tham gia chơi hụi để có thu nhập chăm lo kinh tế gia đình. Hơn nữa, việc tham gia chơi hụi diễn ra trong thời gian dài nên việc bà K cho rằng ông T không biết là không phù hợp. Vì vậy, cần buộc ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà K trả khoản nợ hụi trên cho ông N.

[2.3]. Về lãi suất: ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. Về án phí:

Do yêu cầu của ông N được chấp nhận nên bà K và ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng.

Ông N không phải chịu án phí nên ông N được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về

họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh N đối với bị đơn bà Ngô Thị K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T về việc tranh chấp hụi.

Buộc bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh N số tiền nợ hụi là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận việc ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Hoàn trả cho ông Lê Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 (chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004273 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang